TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/DS-ST
Ngày 30 - 9- 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Quý

2. Ông Lò Văn Trực

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST - DS ngày 10/6/2021 về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXX-ST ngày 31/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa ;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th; Sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1981 (có mặt) và chồng là anh Nguyễn Đăng H sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M D, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên anh Nguyễn Đăng H có vay của chị Th 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào ngày 17/12/2019. Thỏa thuận thời hạn vay từ 17/12/2019 đến 17/01//2020 anh H là người viết giấy vay tiền. Chị Th trình bày lãi suất thỏa thuận 2%/tháng.

Sau đó chị T vợ anh H nhiều lần lên vay tiền chị Th vay tổng số tiền chị T vay lấy trực tiếp từ chị Th là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng), vay không viết giấy tờ. Đến ngày 14/5/2020 chị T lên chốt nợ cả hai khoản tiền của anh H và chị T vay của chị Th bằng "Hợp đồng cho vay cá nhân". Nội dung thỏa thuận chốt nợ "Chị Nguyễn Thị Th đồng ý cho chị Nguyễn Thị T vay 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay tiền từ ngày 18/4/2020 đến 24/6/2020", lãi suất không ghi trong hợp đồng nhưng thỏa thuận 2%/tháng. Đến hạn chị T chỉ mới trả được 1.000.000đ (một triệu đồng) lãi của tháng đầu tiên sau khi chốt nợ. Chị Th hỏi nợ nhiều lần nhưng chị T không trả được gốc và lãi như thỏa thuận. Chị Th đã khởi kiện yêu cầu chị T và anh H có trách nhiệm trả gốc 95.000.000đ và lãi theo hợp đồng thỏa thuận tính từ ngày 18/4/2020 đến thời điểm xét xử 18/9/2021 là 17 tháng. Nay chị Th tính lãi là 1,66%/tháng.

Như vậy số lãi là 95.000.000đ x1,66%/tháng x 17 tháng = 26.809.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm linh chín nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 121.809.000đ – 1.000.000đ (lãi đã trả)= 120.809.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm linh chín nghìn đồng). Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị T và anh H cùng có trách nhiệm trả gốc 95.000.000đ và lãi 26.809.000đ -1.000.000đ lãi đã trả. Tổng cả gốc và lãi là 120.809.000đ chị Th tự nguyện tính tròn 120.800.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng H công nhận anh có vay trực tiếp và nhận tiền từ chị Th 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào ngày 17/12/2019 thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng. Gần tết anh có đưa tiền cho vợ là chị T đi trả cho chị Th. Nhưng chị T không trả mà vay thêm với chị Th tổng số tiền hai vợ chồng vay chị Th lên đến 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) anh H không biết. Đến nay chị Th khởi kiện anh H mới biết chị T chưa trả cho chị Th. Tại bản tự khai anh H trình bày số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh H vay trực tiếp với chị Th anh H sẽ có trách nhiệm trả cho chị Th 2.000.000đ (Hai triệu đồng) một tháng, đến biên bản hòa giải anh H trình bày sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền anh H lấy trực tiếp từ chị Th 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào ngày 15/11/2021.

Khoản tiền chị T lấy với chị Th, anh H sẽ có trách nhiệm đôn đốc chị T trả dần cho chị Th, cũng vì chị T làm ăn thua lỗ nên mới không có khả năng trả nợ một lần mà anh xin chị Th trả dần.

Chị Nguyễn Thị T trình bày. Tổng số tiền chị T chốt nợ với chị Th là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng), trong đó chị T vay 85.000.000đ và anh H vay 10.000.000đ nhưng chị T đã chốt khoản nợ của hai vợ chồng bằng " hợp đồng vay cá nhân" ngày 14/5/2020.

Tại "Hợp đồng vay cá nhân" ngày 14/5/2020 phần tên người vay, tên người cho vay, số tiền và thời hạn vay là chữ viết tay bằng mực bút bi đen do chị T viết. Nội dung thỏa thuận "chị Nguyễn Thị Th cho chị Nguyễn Thị T vay 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 18/4/2020 đến ngày 24/6/2020". Nay do chị Thủy làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ một lần chị T xin tiền lãi và tiền gốc 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) cho chị T trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về trách nhiệm trả nợ. Chị T đề nghị tổng số tiền hai vợ chồng chị T vay là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) chị T đã chốt bằng "Hợp đồng vay cá nhân" ngày 14/5/2020 nên chị T sẽ có trách nhiệm toàn bộ trả cho chị Th, anh H không liên quan đến khoản nợ của chị Th.

-Anh H đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không đến tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa anh H không đến tham gia phiên tòa. Toà án đã tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 277 của BLTTDS.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", vay có thời hạn và có lãi.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay tài sản (tiền mặt) có thời hạn và có lãi.

Các đương sự đều công nhận số tiền gốc chị T và anh H nợ chị Th là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay tính từ 18/4/2020 đến 24/6/2020. Vay có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng nhưng chưa trả gốc và lãi mới trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Như vậy ngày đến hạn trả nợ là ngày 24/6/2020. Nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện nên được chấp nhận toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của BLDS .

Bị đơn xin tiền lãi và xin trả dần tiền gốc, nguyên đơn yêu cầu trả một lần tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) và lãi tháng 1,66%/tháng tính từ ngày 18/4/2020 vay đến 18/9/2021 là 17 tháng lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

HĐXX nhận định có căn cứ xác định số tiền vợ chồng anh H và chị T vay nợ của chị Th là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) về sử dụng vào mục đích kinh doanh làm ăn, lo kinh tế gia đình. Không may thua lỗ nên không trả nợ theo thỏa thuận.

Chị Th khởi kiện yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về trách nhiệm trả nợ: Số tiền anh H và chị T vay của chị Th trong thời kỳ hôn nhân vì vậy được xác định là khoản nợ chung. Hai vợ chồng anh H và chị T phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho chị Th gốc 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng).

Lãi là 95.000.000đ x1,66%/tháng x 17 tháng = 26.809.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm linh chín nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 121.809.000đ -1.000.000đ (Một triệu đồng) = 120.809.000đ, nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 120.800.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải trả nợ và hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 277; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

Về yêu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng H liên đới có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Th cầu khoản nợ gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) và lãi chỉ tính từ 18/4/2020 đến 18/9/2021 là 17 tháng.

Cụ thể là 95.000.000đ x 1,66%/tháng x 17 tháng = 26.809.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm linh chín nghìn đồng). Bị đơn đã trả 1.000.000đ (Một triệu đồng) lãi. Tổng cả gốc và lãi là 121.809.000đ - 1.000.000đ (Một triệu đồng) = 120.809.000đ, nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 120.800.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng H liên đới có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Th 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và số tiền lãi còn nợ là 25.800.000đ. Tổng cả gốc và lãi 120.800.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Bị đơn có trách nhiệm trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5.*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng H liên đới phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 120.800.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) là 6.040.000đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Th toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.860.000 (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007587 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Đăng H. Chị Th, chị T có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
-Chi cuc THSDS huyện BT
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến ***Nguyễn Văn Đàn*** ***Trần Thị Quyên***